

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN THẾ  
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: **32/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 01/9/2022

V/v: Hôn nhân gia đình

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Toàn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Dương Ngô Phiên;

2/ Ông Trần Hải Đăng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Hoa-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hải- Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXX- ST ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Âu Thị T, sinh năm 1997; HKTT: Thôn A, xã Đ, huyện Y, tỉnh B; Nơi ở hiện nay: Khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh L- Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Y, tỉnh B- Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn xin ly hôn ngày 14/02/2022, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (chị Âu Thị T) trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn B cưới nhau có được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 20/01/2016. Sau khi cưới chị về nhà anh B làm dâu ngay, ở chung với gia đình. Tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường, được 04 năm thì vợ chồng phát sinh mâu Tẫn. Nguyên nhân mâu Tẫn do hai vợ chồng có nhiều quan điểm sống bất đồng, không hợp nhau, một phần do anh B không có công ăn việc làm ổn định và không tu chí làm ăn, dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi cọ nhau. Mâu Tẫn cũng đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải để vợ chồng đoàn tụ

nhưng cũng không thành. Do mâu thuẫn căng thẳng và trầm trọng nên chị đã chuyển ra khỏi nhà anh B từ năm 2020, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh B nữa. Vì vậy, chị làm đơn xin ly hôn anh B, đề nghị Tòa án giải quyết để chị được ly hôn anh B.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 17/4/2016, hiện nay cháu đang ở cùng chị và phát triển bình thường. Ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Ngọc Khánh L. Về cấp dưỡng nuôi con chị xác định đủ điều kiện để nuôi con một mình nên không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện nay chị không mang thai.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn (anh Nguyễn Văn B):* Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi ý kiến, văn bản đến Tòa án, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ. Tòa án đã trực tiếp cùng với địa phương về làm việc tại gia đình nhưng anh B vắng mặt. Địa phương cung cấp: Anh B thường hay đi ra ngoài chơi bời, lúc có ở nhà, lúc không, không rõ anh B có mặt ở nhà lúc nào nên rất khó để gặp được anh B. Địa phương xác nhận chị T và anh B sống ly thân từ năm 2020, hai bên không còn quan tâm gì đến nhau nữa nên khả năng vợ chồng về đoàn tụ với nhau là khó. Nay chị T có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị T và anh B theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng chị T, anh B có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 17/4/2016, hiện nay cháu đang ở cùng chị T, đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo quy định. Về tài sản: Địa phương không nắm được cụ thể, đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của đương sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, các Điều: 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Âu Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Giao chị Âu Thị T trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 17/4/2016. Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Âu Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai T tiền tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0008740 ngày 07/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về tố tụng:**

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2022 của chị Âu Thị T đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Âu Thị T là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với anh Nguyễn Văn B (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn có tên nêu trên.

**[2]. Về quan hệ tranh chấp:**

[2].1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Âu Thị T và anh Nguyễn Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa Tận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật B vệ.

[2].2. *Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị T thấy rằng:* Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết: Vợ chồng chị T, anh B từ khi kết hôn có một thời gian chung sống bình thường. Tuy nhiên tình cảm vợ chồng không duy trì phát triển được và đã phát sinh mâu Tẫn. Xuất phát từ việc hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, anh B không chịu tu chí làm ăn, hay chơi bời tụ tập. Do mâu Tẫn căng thẳng, chị T đã chuyển ra khỏi nhà anh B về nhà bố mẹ đẻ ở từ giữa năm 2020, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, chấm dứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Chị T có đơn xin ly hôn, anh B đã được Tòa án thông báo và triệu tập đến Tòa án để làm việc hợp lệ nên xác định anh B biết rõ việc Tòa án thụ lý giải quyết việc ly hôn giữa chị T và anh B nhưng anh B không đến làm việc theo giấy triệu tập và không có ý kiến phản hồi gì về việc chị T xin ly hôn anh B. Địa phương xác định vợ chồng chị T, anh B khó có thể đoàn tụ được nữa. Chứng tỏ mâu Tẫn vợ chồng giữa chị T và anh B đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 56 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho chị T được ly hôn anh B là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của chị T cần được chấp nhận.

[2].3. *Về con chung:* Chị T và địa phương xác định vợ chồng chị T, anh B có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 17/4/2016, cháu hiện đang ở với chị T và phát triển bình thường. Ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi con, xét thấy hiện nay cháu L đang ở với mẹ và vẫn còn nhỏ tuổi, để tránh sự xáo trộn trong cuộc

sống của cháu nhỏ, cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là phù hợp, vì vậy yêu cầu của chị T về việc nuôi con cần được chấp nhận.

[2].4. *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

[2].6. Về án phí: Chị Âu Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, các Điều: 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Âu Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Giao chị Âu Thị T trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 17/4/2016. Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Âu Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai T tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008740 ngày 07/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

#### **Nơi nhân:**

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- UBND xã Đông Sơn.
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Toàn**

